

**PROMOTING SCIENTIFIC, TECHNOLOGICAL, AND INNOVATIVE ACTIVITIES  
AT TRUNG VUONG UNIVERSITY:  
CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS**

**Nguyen Khac Thien\***

Trung Vuong University

ROR: <https://ror.org/05xzsm645>

Email: [thienkbnn@gmail.com](mailto:thienkbnn@gmail.com)

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0004-1819-0524>

**Tran Thi Hue**

Trung Vuong University

ROR ID: <https://ror.org/05xzsm645>

Email: [lily071081@gmail.com](mailto:lily071081@gmail.com)

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0009-1891-1498>

**Article History**

Received: 20/02/2026

Reviewed: 19/4/2026

Revised: 12/5/2026

Accepted: 15/5/2026

Released: 30/6/2026

**DOI: <https://doi.org/10.64223/tvj.e2026.v2.i6.a85>**

**Abstract:**

*In the context of higher education reform and robust digital transformation, science, technology, and innovation (STI) have emerged as pivotal drivers for enhancing training quality and institutional competitiveness. This paper focuses on analyzing the current status of STI activities at Trung Vuong University to identify key achievements, pinpoint core bottlenecks, and subsequently propose a comprehensive system of breakthrough solutions for the new development phase. Utilizing a systems approach combined with qualitative research methods—including document analysis, synthesis, policy content analysis, and descriptive statistics of the university's empirical data up to 2025—the study provides an organic and systematic evaluation.*

*The research findings indicate that Trung Vuong University has successfully established a relatively synchronized academic ecosystem: executing 29 scientific projects at various levels (including National and Ministerial projects), publishing 80 scientific papers (including 08 international articles), updating 19 training programs integrated with digital/AI elements, and initiating the digitization of learning materials on the LMS platform. Nevertheless, certain limitations persist, such as a modest rate of high-impact international publications and cutting-edge projects, limited scope in student research movements, unsynchronized digital infrastructure, and loose linkages with enterprises for technology transfer and commercialization.*

*Based on these insights, the paper proposes five synchronized and breakthrough sets of solutions: (1) Reforming internal governance and applying financial incentives driven by academic KPIs; (2) Investing heavily in forming strong research groups and introducing "Scientific Research Methods" into the first semester for freshmen; (3) Accelerating 100% synchronization of digital learning materials on LMS; (4) Promoting "University - Enterprise" linkages tailored to market demands; and (5) Optimizing internal scientific communication via the e-portal to foster an academic environment, thereby elevating the university's institutional prestige and brand.*

**Keywords:** Science and technology; Innovation; Academic ecosystem; Digital learning materials; Trung Vuong University.

**JEL Codes:** I23, O32, O38, D83, H52

**ASJC Codes:** 3304, 2208, 1710

**OECD-FOS:** 5.03, 5.06, 2.11

**FoR Codes:** 390307, 390303, 440706

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN & ĐMST) đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển giáo dục đại học. Các cơ sở giáo dục đại học không chỉ thực hiện chức năng đào tạo nguồn nhân lực, mà còn giữ vai trò trung tâm trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyên giao tri thức và phục vụ cộng đồng.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Luật số 93/2025/QH15 về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Luật số 125/2025/QH15 về Giáo dục đại học và các văn bản hướng dẫn thi hành, Trường Đại học Trung Vương đã từng bước đẩy mạnh hoạt động KH, CN & ĐMST nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực nghiên cứu và khả năng thích ứng với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Trong thời gian qua, Nhà trường đã triển khai đồng bộ nhiều hoạt động liên quan đến quản lý khoa học công nghệ, nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên, phát triển chương trình đào tạo, biên soạn học liệu, chuyển đổi số và xây dựng môi trường học thuật. Các hoạt động này bước đầu đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và khẳng định vai trò của Nhà trường trong hệ thống giáo dục đại học.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động KH, CN & ĐMST của Nhà trường vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cao còn hạn chế; hoạt động nghiên cứu chưa đồng đều giữa các đơn vị; nguồn lực phục vụ nghiên cứu và hạ tầng số còn hạn chế; hoạt động hợp tác nghiên cứu và chuyên giao công nghệ chưa thực sự mạnh.

Bên cạnh đó, công tác quản lý và phát triển học liệu vẫn còn một số bất cập. Nhà trường chưa ban hành đầy đủ quy trình xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ liên quan đến biên soạn, lựa chọn, thẩm định, phê duyệt và sử dụng giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo đối với các trình độ đào tạo đại học và thạc sĩ. Việc xây dựng giáo trình, bài giảng ở một số học phần chưa thực sự gắn kết chặt chẽ với chương trình đào tạo đã được Nhà trường phê duyệt; tính đồng bộ, cập nhật và chuẩn hóa học liệu giữa các ngành đào tạo vẫn cần tiếp tục được hoàn thiện.

Xuất phát từ những vấn đề trên, bài viết lựa chọn hoạt động KH, CN & ĐMST của Trường Đại học Trung Vương làm đối tượng nghiên cứu nhằm phân tích thực trạng, đánh giá những kết quả đạt được, nhận diện khó khăn, thách thức và đề xuất các định hướng, giải pháp tiếp tục thúc đẩy hoạt động KH, CN & ĐMST trong thời gian tới.

## 2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

KH, CN & ĐMST trong giáo dục đại học là chủ đề được nghiên cứu rộng rãi trong bối cảnh đổi mới giáo dục, phát triển kinh tế tri thức và chuyển đổi số. Các nghiên cứu liên quan có thể khái quát theo ba nhóm chính.

Thứ nhất, các nghiên cứu quốc tế chủ yếu tiếp cận KH, CN & ĐMST như một cấu phần quan trọng của quản trị đại học hiện đại. Nhiều nghiên cứu của UNESCO, OECD và World Bank cho rằng, hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là yếu tố cốt lõi quyết định chất lượng đào tạo, năng lực cạnh tranh và khả năng hội nhập quốc tế của các cơ sở giáo dục đại học.

UNESCO, trong báo cáo chiến lược UNESCO Science Report: Towards 2030, tổ chức này nhấn mạnh mô hình “Đại học thế hệ thứ 3” (The Third-Generation University) – nơi hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo không tách rời giảng dạy mà chuyển hóa trực tiếp thành giá trị thương mại hóa và phục vụ cộng đồng. UNESCO khẳng định việc số hóa học liệu, xây dựng các nguồn tài nguyên giáo dục mở (OER) là giải pháp then chốt để tối ưu hóa tài nguyên học thuật trong kỷ nguyên số [UNESCO, 2021].

Đối với OECD, thông qua Khung chiến lược Đổi mới sáng tạo trong Giáo dục (OECD Innovation Strategy for Education and Training), tổ chức này chỉ ra rằng, năng lực cạnh tranh của một trường đại học hiện đại được đo lường trực tiếp bằng “Chỉ số đổi mới hệ thống”. Chỉ số này cấu thành từ mức độ tích hợp công nghệ (như hệ thống quản lý học tập LMS), tỷ lệ bài giảng số hóa và năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để cá nhân hóa lộ trình học tập cho người học [OECD, 2023].

Từ góc nhìn của Ngân hàng Thế giới (World Bank), báo cáo The Digital Transformation of Higher Education khẳng định: Đầu tư vào hạ tầng khoa học công nghệ và phát triển hệ sinh thái học liệu số chính là đòn bẩy cốt lõi giúp các trường đại học, đặc biệt là khối trường ngoài công lập, thực hiện tự chủ tài chính thành công, bứt phá chất lượng đào tạo và nâng cao vị thế trên các bảng xếp hạng học thuật toàn cầu [World Bank, 2022].

Thứ hai, nhiều nghiên cứu tập trung phân tích các yếu tố cấu thành hoạt động KH, CN & ĐMST trong cơ sở giáo dục đại học. Các công trình này tiếp cận hoạt động KH, CN & ĐMST không phải là những nhiệm vụ riêng lẻ mà là một hệ sinh thái phức hợp bao gồm: cơ chế quản lý, nguồn lực nghiên cứu, đội ngũ giảng viên, công bố quốc tế, phát triển chương trình đào tạo, học liệu số và môi trường học thuật.

Theo mô hình hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đại học của Clark (2004) về “Đại học khởi nghiệp” (Entrepreneurial Universities), cơ chế quản lý linh hoạt và một môi trường học thuật mở là hai điều

kiện tiên quyết để kích hoạt năng lực sáng tạo của đội ngũ giảng viên và sinh viên.

Các nghiên cứu thực nghiệm của Etzkowitz (2008) về mô hình Ba vòng xoắn (Triple Helix: Đại học - Doanh nghiệp - Nhà nước) chỉ ra rằng, hiệu quả của hoạt động khoa học công nghệ phụ thuộc trực tiếp vào việc phát triển chương trình đào tạo gắn liền với thực tiễn sản xuất và năng lực tạo ra các công bố quốc tế có giá trị ứng dụng cao.

Trong kỷ nguyên số, Altbach và các cộng sự (2019) trong nghiên cứu về Quản trị đại học toàn cầu khẳng định: Sự đồng bộ nội bộ giữa ba yếu tố cốt lõi là nhân lực (trình độ giảng viên), cơ sở vật chất (hạ tầng nghiên cứu) và ứng dụng công nghệ (hệ thống học liệu số, nền tảng LMS) chính là chìa khóa quyết định sự thành bại trong việc nâng cao năng suất khoa học tổng thể của một nhà trường.

Thứ ba, trong bối cảnh Việt Nam, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào đổi mới quản trị đại học, phát triển nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số trong giáo dục và nâng cao chất lượng đào tạo.

Xu hướng chuyển đổi số và xây dựng hạ tầng giáo dục số, phát triển học liệu số phục vụ tự chủ đại học đã được phân tích sâu sắc trong các công trình của Vũ Hải Quân (2022) và Nguyễn Tiến Dũng (2021). Các tác giả này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng hệ thống LMS đồng bộ và kho bài giảng số hóa để nâng cao khả năng tự học của người học.

Khái niệm và mô hình xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng và thương mại hóa sản phẩm khoa học tại các trường đại học Việt Nam được đề cập rõ nét trong nghiên cứu của Trần Văn Hải (2020) và Đặng Văn Huân (2023). Các nghiên cứu này chỉ ra những rào cản về cơ chế tài chính nội bộ và sự ngắt quãng trong môi trường kết Đại học - Doanh nghiệp tại Việt Nam.

Tuy nhiên, các nghiên cứu tiếp cận tổng thể hoạt động KH, CN & ĐMST như một chỉnh thể hệ thống liên kết hữu cơ (từ khâu ban hành thể chế quản lý, phát triển nhóm nghiên cứu mạnh, biên soạn học liệu số, thẩm định chương trình cho đến hoạt động nghiên cứu của cả hai chủ thể giảng viên - sinh viên) tại một cơ sở giáo dục đại học cụ thể còn tương đối hạn chế. Phần lớn các công trình hiện nay mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá một khía cạnh riêng lẻ hoặc khảo sát diện rộng trên quy mô toàn quốc, chưa đi sâu giải quyết bài toán tối ưu hóa nguồn lực cho một nhà trường mang tính đặc thù.

Đối với Trường Đại học Trung Vương, các báo cáo và tài liệu chủ yếu tập trung phản ánh kết quả triển khai hoạt động khoa học công nghệ và đào tạo, chưa có nhiều nghiên cứu tiếp cận hoạt động KH, CN & ĐMST như một chỉnh thể thống nhất trong hệ thống quản trị đại học.

Từ Tổng quan nghiên cứu có thể nhận thấy, vẫn còn khoảng trống nghiên cứu liên quan đến việc

phân tích hoạt động KH, CN & ĐMST tại Trường Đại học Trung Vương theo cách tiếp cận hệ thống. Đây là cơ sở để bài viết tiếp tục nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển giáo dục đại học trong giai đoạn hiện nay.

### 3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Cách tiếp cận nghiên cứu

Bài viết tiếp cận hoạt động KH, CN & ĐMST của Trường Đại học Trung Vương như một chỉnh thể thống nhất trong hệ thống quản trị đại học, có mối quan hệ chặt chẽ với hoạt động đào tạo, chuyển đổi số và phục vụ cộng đồng.

Cách tiếp cận chủ đạo của bài viết là cách tiếp cận hệ thống, kết hợp với cách tiếp cận quản trị giáo dục đại học và đổi mới sáng tạo. Theo đó, hoạt động KH, CN & ĐMST được phân tích thông qua các yếu tố cấu thành cơ bản như: cơ chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ; hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên; phát triển chương trình đào tạo; phát triển học liệu và học liệu số; hoạt động học thuật; và chuyển đổi số trong giáo dục.

Bên cạnh đó, bài viết còn vận dụng cách tiếp cận so sánh – đối chiếu giữa hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường với các định hướng phát triển giáo dục đại học, các quy định pháp luật hiện hành và xu hướng phát triển khoa học công nghệ trong bối cảnh chuyển đổi số.

#### 3.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, bài viết sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu định tính như sau:

Thứ nhất, phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu được sử dụng để hệ thống hóa cơ sở lý luận về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giáo dục đại học.

Thứ hai, phương pháp phân tích nội dung được áp dụng để nghiên cứu các văn bản quản lý, báo cáo tổng kết, kế hoạch hoạt động và các tài liệu liên quan đến hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường.

Thứ ba, phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để tổng hợp các kết quả nghiên cứu khoa học, công bố khoa học, hoạt động học thuật, phát triển học liệu và chương trình đào tạo.

Thứ tư, phương pháp suy luận logic và đánh giá chuyên gia được vận dụng nhằm đánh giá thực trạng, nhận diện khó khăn, thách thức và đề xuất các giải pháp phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường.

### 4. Kết quả nghiên cứu

Trên cơ sở cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu đã trình bày, kết quả nghiên cứu được thể hiện thông qua việc phân tích các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học

Trung Vương. Theo đó, kết quả nghiên cứu được trình bày theo hai nội dung chính: (i) Cơ sở lý luận về hoạt động KH, CN & ĐMST trong giáo dục đại học; và (ii) Thực trạng hoạt động KH, CN & ĐMST tại Trường Đại học Trung Vương.

### **4.1. Cơ sở lý luận về hoạt động KH, CN & ĐMST trong giáo dục đại học**

Kết quả tổng hợp lý luận cho thấy, hoạt động KH, CN & ĐMST trong giáo dục đại học không phải là các nhiệm vụ biệt lập, mà được cấu thành bởi nhiều yếu tố nội tại có mối quan hệ biện chứng, hữu cơ với nhau. Khi các yếu tố này vận hành đồng bộ, chúng tạo thành một hệ sinh thái học thuật hoàn chỉnh, thúc đẩy năng lực cốt lõi của nhà trường.

Thứ nhất, cơ chế quản lý khoa học công nghệ giữ vai trò hành lang pháp lý và nền tảng tổ chức

Cơ chế quản lý bao gồm hệ thống các quy định nội bộ, quy trình phê duyệt đề tài, chính sách tài chính và cơ chế thi đua khen thưởng. Một cơ chế quản lý khoa học hiện đại, linh hoạt không chỉ định hướng các mục tiêu nghiên cứu bám sát chiến lược phát triển của nhà trường, mà còn tối ưu hóa quy trình hành chính, giảm bớt thủ tục rườm rà. Quan trọng hơn, chính sách đòn bẩy tài chính và phân bổ nguồn lực hợp lý (như đầu tư cho các nhóm nghiên cứu mạnh, hỗ trợ kinh phí công bố quốc tế) chính là động lực cốt lõi kích hoạt tinh thần dân thân và tính chủ động sáng tạo của toàn thể cán bộ, giảng viên [Clark, 2004].

Thứ hai, hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên là lực lượng hạt nhân tạo ra tri thức

Đây là yếu tố cốt lõi trực tiếp quyết định năng lực nghiên cứu và giá trị học thuật của một cơ sở giáo dục đại học.

- Đối với đội ngũ giảng viên: Nghiên cứu khoa học là thước đo trình độ chuyên môn đỉnh cao. Việc tham gia các đề tài các cấp và công bố bài báo trên các tạp chí uy tín giúp giảng viên liên tục cập nhật tri thức nhân loại, tránh tư duy mòn cũ.

- Đối với sinh viên: Hoạt động nghiên cứu (như các cuộc thi ý tưởng, câu lạc bộ sáng tạo) giúp người học chuyển hóa từ tư duy thụ động sang chủ động, hình thành năng lực phát hiện vấn đề, phân tích dữ liệu và tư duy phản biện – những kỹ năng tối quan trọng trong nền kinh tế tri thức.

Thứ ba, phát triển chương trình đào tạo và học liệu là cầu nối chuyển hóa tri thức vào thực tiễn

Học liệu và chương trình đào tạo không thể là những cấu trúc tĩnh, mà phải là một thực thể động. Sự phát triển vũ bão của công nghệ đòi hỏi chương trình đào tạo phải liên tục được rà soát, cập nhật, tích hợp các thành tựu khoa học mới nhất và xu hướng của thị trường lao động. Việc biên soạn các giáo trình nội bộ chuẩn hóa, có sự tham gia thẩm

định của các chuyên gia và doanh nghiệp, chính là giải pháp bảo đảm tính ứng dụng, thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết giảng đường và thực tế sản xuất [Etzkowitz, 2008].

Thứ tư, chuyển đổi số và phát triển học liệu số là môi trường và hạ tầng bứt phá

Trong giáo dục đại học hiện đại, chuyển đổi số không còn là giải pháp tình thế, mà đã trở thành xu hướng tất yếu cấu thành nên năng lực cạnh tranh. Phát triển học liệu số (bao gồm kho bài giảng điện tử đa phương tiện, hệ thống quản lý học tập LMS, tủ sách số công nghệ) tạo ra một không gian học tập mở, linh hoạt và cá nhân hóa. Hạ tầng giáo dục số cho phép tối ưu hóa phương thức quản trị, tăng cường tương tác thời gian thực và thúc đẩy khả năng tự học của sinh viên mọi lúc, mọi nơi [Altbach et al., 2019].

Thứ năm, sự tác động lan tỏa của nghiên cứu KH, CN & ĐMST đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo

Mối quan hệ giữa nghiên cứu khoa học và chất lượng đào tạo là mối quan hệ tương hỗ, thúc đẩy lẫn nhau. Hoạt động KH, CN & ĐMST tác động trực tiếp và sâu sắc đến chất lượng đào tạo thông qua ba kênh chính:

- Nâng cao chất lượng đội ngũ và bài giảng: Những tri thức mới, những phát hiện từ các đề tài nghiên cứu thực nghiệm của giảng viên được đưa trực tiếp vào bài giảng, giúp nội dung đào tạo luôn mang tính thời sự, giàu hơi thở thực tiễn và có chiều sâu học thuật vượt trội so với việc chỉ giảng dạy theo giáo trình sẵn có.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy: Quá trình nghiên cứu thúc đẩy giảng viên chuyển dịch từ phương pháp truyền thụ một chiều sang các phương pháp giảng dạy dựa trên nghiên cứu hoặc giải quyết vấn đề, lấy người học làm trung tâm.

- Gia tăng giá trị đầu ra cho người học: Một môi trường đại học giàu tính đổi mới sáng tạo sẽ thấm thấu tư duy công nghệ và tinh thần khởi nghiệp vào sinh viên. Sinh viên tốt nghiệp từ hệ sinh thái này không chỉ vững kiến thức chuyên môn, mà còn sở hữu năng lực số, kỹ năng thích ứng cao với các công nghệ mới (như AI, Big Data), từ đó nâng cao tỷ lệ việc làm và uy tín thương hiệu của nhà trường trước xã hội [World Bank, 2022].

### **4.2. Thực trạng hoạt động KH, CN & ĐMST tại Trường Đại học Trung Vương**

#### **4.2.1. Kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên**

Trong thời gian qua, hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên và sinh viên Trường Đại học Trung Vương tiếp tục được quan tâm thúc đẩy và đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, chất lượng đào tạo và xây

dụng môi trường học thuật trong Nhà trường.

- Đối với đội ngũ giảng viên, Nhà trường đã triển khai tương đối đồng bộ các hoạt động nghiên cứu khoa học và khuyến khích giảng viên tham gia các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở nhiều cấp quản lý khác nhau. Tổng số đã thực hiện 29 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gồm: 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; 04 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ; 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh/thành phố; 10 đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở do Trường quản lý; 13 nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các chương trình, dự án và hình thức nghiên cứu khác.

Các nhiệm vụ nghiên cứu tập trung vào nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo, giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn và hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo. Nhiều giảng viên tham gia nghiên cứu với vai trò chủ nhiệm, thành viên hoặc phối hợp thực hiện cùng các cơ sở đào tạo, cơ quan và tổ chức khoa học khác. Việc tham gia các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở nhiều cấp đã góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, tăng cường nghiên cứu ứng dụng và từng bước nâng cao vị thế học thuật của Nhà trường.

Hoạt động công bố khoa học tiếp tục được duy trì và phát triển. Đội ngũ giảng viên đã công bố 72 bài báo khoa học trong nước và 08 bài báo khoa học quốc tế. Nội dung các bài báo tập trung vào nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau, phản ánh kết quả nghiên cứu, đổi mới phương pháp giảng dạy, nghiên cứu ứng dụng và các vấn đề thực tiễn trong đào tạo và đời sống xã hội. Một số công bố quốc tế bước đầu khẳng định năng lực nghiên cứu và khả năng hội nhập học thuật của đội ngũ giảng viên Nhà trường.

Bên cạnh đó, Nhà trường luôn quan tâm tạo điều kiện để giảng viên tham gia các hội thảo khoa học, diễn đàn học thuật và hoạt động trao đổi chuyên môn do các cơ quan, tổ chức và cơ sở giáo dục trong và ngoài trường tổ chức. Thông qua các hoạt động này, đội ngũ giảng viên có điều kiện cập nhật xu hướng nghiên cứu mới, mở rộng kết nối học thuật và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học.

- Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, Nhà trường thường xuyên quan tâm tổ chức các hoạt động học thuật nhằm khuyến khích tinh thần nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn. Trong năm 2025, Nhà trường đã tổ chức 01 cuộc thi nghiên cứu khoa học sinh viên với sự tham gia của nhiều khoa, ngành đào tạo và thu hút 11 đề tài nghiên cứu thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.

Các đề tài nghiên cứu của sinh viên tập trung vào nghiên cứu ứng dụng, giải quyết các vấn đề thực tiễn trong học tập, đời sống và lĩnh vực nghề nghiệp; đồng thời, thể hiện tinh thần chủ động nghiên cứu, sáng tạo và khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn trong quá trình học tập.

Hoạt động hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được đội ngũ giảng viên tích cực triển khai thông qua việc hỗ trợ sinh viên lựa chọn đề tài, xây dựng đề cương nghiên cứu, triển khai nghiên cứu, xử lý số liệu và hoàn thiện báo cáo khoa học. Qua đó, góp phần giúp sinh viên từng bước tiếp cận phương pháp nghiên cứu hiện đại, phát triển tư duy nghiên cứu, kỹ năng học thuật, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu.

Thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên, môi trường học thuật của Nhà trường từng bước được củng cố và phát triển theo hướng tích cực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng cường gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học.

#### 4.2.2. Kết quả phát triển chương trình đào tạo và học liệu số

Công tác rà soát, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo được Nhà trường triển khai thường xuyên nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học và nhu cầu nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay.

Trong năm 2025, Nhà trường đã tổ chức rà soát, cập nhật 16 chương trình đào tạo trình độ đại học và 03 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ. Nội dung rà soát tập trung vào cập nhật kiến thức chuyên môn mới, điều chỉnh học phần theo xu hướng phát triển khoa học công nghệ, tăng cường kỹ năng số, AI, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số trong đào tạo. Đồng thời, các chương trình đào tạo được điều chỉnh theo hướng tăng cường thực hành, thực tập và gắn kết với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động.

Nhà trường cũng đặc biệt chú trọng công tác thẩm định chương trình đào tạo nhằm bảo đảm tính khoa học, tính thực tiễn và khả năng hội nhập của chương trình. Các hội đồng thẩm định được thành lập với sự tham gia của các nhà khoa học, chuyên gia, giảng viên, doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động. Nhiều chương trình đào tạo được đối sánh với chương trình của các cơ sở giáo dục đại học có uy tín trong và ngoài nước nhằm cập nhật những nội dung tiên tiến, hiện đại và phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục đại học.

Cùng với hoạt động phát triển chương trình đào tạo, Nhà trường đẩy mạnh hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu học tập và phát triển học liệu số phục vụ đào tạo. Trong thời gian qua, Nhà trường đã tổ chức biên soạn 05 giáo trình phục vụ giảng dạy và học tập, gồm các giáo trình như: Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế; Giáo trình Kỹ năng quản lý; Giáo trình Nhập môn Internet và E-learning cùng một số giáo trình, tài liệu chuyên môn khác.

Bên cạnh đó, đội ngũ giảng viên tích cực xây dựng, cập nhật tài liệu tham khảo và học liệu phục vụ đào tạo theo hướng chuẩn hóa nội dung, cập nhật kiến thức mới và đáp ứng chuẩn đầu ra của các

ngành đào tạo.

Nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục đại học, Nhà trường đặc biệt quan tâm phát triển học liệu số và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy. Trong năm 2025, Nhà trường đã xây dựng 07 bài giảng điện tử thuộc 07 ngành đào tạo; phát triển 07 học liệu phục vụ hệ thống LMS/E-learning và triển khai số hóa 07 tài liệu học tập phục vụ công tác lưu trữ, khai thác và sử dụng học liệu trong môi trường số.

Các bài giảng điện tử và học liệu số được xây dựng theo hướng trực quan, tích hợp đa phương tiện, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động dạy học trực tuyến và kết hợp giữa dạy học trực tiếp với trực tuyến. Đồng thời, Nhà trường đẩy mạnh ứng dụng hệ thống LMS, nền tảng “Tủ sách điện tử” và AI hỗ trợ biên tập, rà soát lỗi và xây dựng bài giảng điện tử.

Thông qua hoạt động phát triển chương trình đào tạo, biên soạn học liệu và xây dựng học liệu số, Nhà trường từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới phương pháp dạy học, thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường khả năng tiếp cận tri thức cho người học.

### 4.2.3. Hoạt động hội thảo, tọa đàm và môi trường học thuật

Nhằm tăng cường hoạt động học thuật, thúc đẩy nghiên cứu khoa học và tạo môi trường trao đổi chuyên môn trong Nhà trường, thời gian qua, Trường Đại học Trung Vương thường xuyên tổ chức các hội thảo khoa học, tọa đàm chuyên đề, Seminar học thuật và các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu khoa học với sự tham gia của cán bộ, giảng viên, chuyên gia và các đơn vị chuyên môn.

Các hoạt động học thuật được tổ chức theo hướng gắn với chuyên môn đào tạo, cập nhật xu hướng khoa học công nghệ mới và tăng cường kết nối giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học với thực tiễn nghề nghiệp. Riêng trong năm 2025, Nhà trường đã tổ chức 11 hội thảo khoa học cấp trường/khoa; 01 tọa đàm chuyên đề; 01 Seminar học thuật cùng nhiều hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu khoa học giữa giảng viên, nhóm nghiên cứu và các đơn vị chuyên môn.

Nội dung các hội thảo, tọa đàm và Seminar tập trung vào nhiều lĩnh vực như đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ số, AI, chuyên đổi số trong giáo dục, nghiên cứu ứng dụng và các vấn đề thực tiễn trong đào tạo và đời sống xã hội.

Thông qua các hoạt động học thuật, đội ngũ giảng viên và người học có điều kiện trao đổi chuyên môn, cập nhật kiến thức mới, nâng cao năng lực nghiên cứu và tăng cường kết nối học thuật với các cơ quan, đơn vị và chuyên gia trong và ngoài trường. Đồng thời, các hoạt động này góp phần xây dựng môi trường học thuật năng động, thúc đẩy tinh thần nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và tăng

cường hợp tác nghiên cứu trong Nhà trường.

Bên cạnh đó, việc tham gia các hội thảo khoa học do các cơ quan, tổ chức và cơ sở giáo dục bên ngoài tổ chức cũng giúp đội ngũ giảng viên mở rộng kết nối học thuật, tiếp cận xu hướng nghiên cứu mới và nâng cao khả năng hội nhập học thuật.

Thông qua việc duy trì và phát triển các hoạt động hội thảo, tọa đàm và seminar khoa học, môi trường học thuật của Nhà trường ngày càng được củng cố theo hướng hiện đại, tích cực và hội nhập; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển hoạt động KH, CN & ĐMST trong toàn trường.

### 4.3. Đánh giá chung về hoạt động KH, CN & ĐMST tại Trường Đại học Trung Vương

Từ kết quả phân tích toàn diện các mảng hoạt động tại Trường Đại học Trung Vương, nghiên cứu tiên hành tổng hợp, đánh giá một cách khách quan các ưu điểm đạt được cũng như các nút thắt hạn chế làm cơ sở cho việc bàn luận giải pháp trong giai đoạn tới.

#### 4.3.1. Những ưu điểm nổi bật

Hoạt động KH, CN & ĐMST của Nhà trường đã được triển khai tương đối đồng bộ, từng bước đi vào nền nếp và đạt được nhiều kết quả tích cực, thể hiện qua các khía cạnh cốt lõi:

- Công tác quản lý từng bước được chuẩn hóa và hoàn thiện: Hệ thống văn bản quản lý nội bộ được xây dựng đồng bộ, tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho việc triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học của cả giảng viên, học viên và sinh viên. Quy trình quản lý, theo dõi, phê duyệt đề tài và phân công nhiệm vụ cho các đơn vị chuyên môn được thực hiện công khai, minh bạch và đúng quy định hiện hành.

- Hoạt động nghiên cứu của giảng viên chuyên biến tích cực cả về số lượng và cấp độ: Năng lực và ý thức nghiên cứu của đội ngũ giảng viên có sự bứt phá rõ rệt. Điều này được chứng minh cụ thể qua việc thực hiện thành công 29 nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, đặc biệt đã có sự hiện diện của 01 nhiệm vụ cấp quốc gia và 04 nhiệm vụ cấp bộ. Năng suất học thuật được duy trì ổn định với 80 bài báo khoa học được công bố, trong đó có 08 bài báo quốc tế, bước đầu khẳng định năng lực hội nhập học thuật toàn cầu.

- Hoạt động nghiên cứu của sinh viên bước đầu được khơi dậy: Nhà trường đã tạo được sân chơi học thuật thực chất cho người học thông qua việc tổ chức thành công cuộc thi nghiên cứu khoa học sinh viên (năm 2025) với 11 đề tài ứng dụng thực tiễn. Vai trò định hướng, hướng dẫn kỹ năng, phương pháp nghiên cứu và xử lý số liệu của giảng viên đối với sinh viên được phát huy hiệu quả.

- Phát triển chương trình đào tạo và biên soạn học liệu theo hướng hiện đại: Công tác đổi mới

nội dung đào tạo được thực hiện quyết liệt với 16 chương trình trình độ đại học và 03 chương trình thạc sĩ được rà soát, cập nhật. Nội dung đào tạo đã tích hợp sâu các xu hướng công nghệ như AI, kỹ năng số và đổi mới sáng tạo. Hệ thống giáo trình nội bộ được chuẩn hóa với 05 đầu sách cốt lõi được đưa vào giảng dạy.

- Đột phá trong chuyển đổi số và phát triển học liệu số: Nhà trường đã bước đầu hình thành hệ sinh thái số hóa phục vụ đào tạo thông qua việc xây dựng 07 bài giảng điện tử, 07 học liệu phục vụ LMS/E-learning cho các ngành đào tạo và số hóa thành công 07 tài liệu học tập. Ứng dụng công nghệ như nền tảng "Tủ sách điện tử" và AI đã được đưa vào hỗ trợ biên tập, giảng dạy hiệu quả.

- Môi trường học thuật năng động, giàu tính kết nối: Tần suất tổ chức các sinh hoạt khoa học được duy trì ở mức cao với 11 hội thảo cấp trường/khoa, 01 tọa đàm và 01 Seminar học thuật trong năm 2025. Các hoạt động này đã tạo lập môi trường chia sẻ tri thức mạnh mẽ cho cán bộ, giảng viên và kết nối hiệu quả với các chuyên gia, tổ chức bên ngoài.

#### 4.3.2. Các khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những điểm sáng, hoạt động KH, CN và ĐMST của Trường Đại học Trưng Vương vẫn tồn tại những nút thắt và hạn chế cần thẳng thắn nhìn nhận để tìm giải pháp khắc phục:

- Tỷ lệ nhiệm vụ khoa học cấp cao và công bố quốc tế chất lượng cao còn khiêm tốn: Mặc dù số lượng đề tài và bài báo công bố khá lớn, tuy nhiên các công trình này chủ yếu vẫn tập trung ở quy mô cấp cơ sở (10 đề tài) và công bố tạp chí trong nước (72 bài). Số lượng đề tài mũi nhọn cấp bộ, cấp quốc gia và các bài báo thuộc danh mục ISI/Scopus chất lượng cao còn chưa nhiều. Trường chưa hình thành được các hướng nghiên cứu chuyên sâu mang tính đặc thù hay các nhóm nghiên cứu mạnh hoạt động ổn định và có sức cạnh tranh lớn.

- Sự phát triển chưa đồng đều giữa các đơn vị và đối tượng: Mức độ tham gia hoạt động nghiên cứu, viết bài báo khoa học và công bố quốc tế có sự chênh lệch lớn giữa các khoa, các ngành đào tạo. Một số đơn vị chuyên môn chưa phát huy mạnh mẽ vai trò nghiên cứu gắn với đặc thù ngành. Bên cạnh đó, phong trào nghiên cứu khoa học của sinh viên tuy đã có kết quả ban đầu nhưng quy mô triển khai vẫn còn hẹp, chưa tạo thành làn sóng lan tỏa sâu rộng trong toàn thể sinh viên trường.

- Nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu và công nghệ còn hạn chế: Kinh phí phân bổ dành cho hoạt động khoa học công nghệ, phát triển học liệu số và hạ tầng chuyên đổi số còn eo hẹp so với nhu cầu thực tiễn của một trường đại học định hướng ứng dụng. Cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ cho các nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu chuyên sâu tại một số lĩnh vực chuyên ngành chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu.

- Hợp tác nghiên cứu gắn với chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm khoa học chưa thực sự mạnh: Mối liên kết giữa Nhà trường với khối doanh nghiệp, các viện nghiên cứu và tổ chức KHCN tuy có thiết lập nhưng nhìn chung chưa sâu rộng. Số lượng các hoạt động hợp tác nghiên cứu chung hay các hợp đồng chuyển giao công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế sản xuất phục vụ xã hội còn rất hạn chế. Các sản phẩm khoa học chưa được thương mại hóa để tạo nguồn thu tái đầu tư.

- Hệ thống hạ tầng số và học liệu điện tử vẫn trong giai đoạn hoàn thiện: Mặc dù ghi nhận những kết quả tích cực trong năm 2025, hệ thống học liệu số và các nền tảng số của Nhà trường vẫn chưa đồng bộ và chưa phủ kín được nhu cầu của tất cả các ngành đào tạo. Việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến mang tính chiều sâu như dữ liệu lớn, phân tích dữ liệu số trong quản lý giảng dạy và nghiên cứu mới chỉ ở giai đoạn bước đầu thử nghiệm.

- Công tác truyền thông khoa học công nghệ chưa được đầu tư đúng tầm: Các thành tựu học thuật, kết quả nghiên cứu tiêu biểu của đội ngũ giảng viên và mô hình sáng tạo của sinh viên chưa được quảng bá sâu rộng và thường xuyên trên các phương tiện truyền thông. Điều này làm hạn chế sức lan tỏa tinh thần khoa học trong nội bộ và chưa tối ưu hóa được việc nâng cao hình ảnh, uy tín, vị thế học thuật của Nhà trường trước xã hội.

### 5. Bàn luận và đề xuất giải pháp, kiến nghị

#### 5.1. Bàn luận về kết quả nghiên cứu và thực trạng

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong thời gian qua, hoạt động KH, CN & ĐMST tại Trường Đại học Trưng Vương đã có những chuyển biến mang tính chiến lược. Hoạt động này từng bước được triển khai theo hướng đồng bộ, phù hợp với xu thế đổi mới giáo dục đại học và định hướng chuyển đổi số quốc gia. Các nội dung công việc từ ban hành quy trình, triển khai nghiên cứu của giảng viên - sinh viên đến đổi mới chương trình và số hóa học liệu bước đầu đã hình thành nên một hệ sinh thái hỗ trợ học thuật tương đối hoàn chỉnh.

Trước hết, thể chế quản lý nội bộ đóng vai trò là "bệ đỡ" định hình toàn bộ hệ sinh thái học thuật

Việc Nhà trường chủ động ban hành hệ thống quy định quản lý hoạt động khoa học, quản lý đề tài cấp trường, nghiên cứu của sinh viên, thành lập nhóm nghiên cứu mạnh và quy chế Hội đồng Khoa học và Đào tạo đã tạo lập một hành lang pháp lý chuẩn hóa. Kết quả này hoàn toàn tương thích với mô hình quản trị đại học hiện đại của Clark (2004), khi khẳng định rằng, một cơ chế quản trị công khai, minh bạch và có tính đòn bẩy là điều kiện tiên quyết để giải phóng năng lực sáng tạo của nguồn nhân lực cốt lõi. Tuy nhiên, từ thực tiễn tại trường, hệ thống văn bản này vẫn cần liên tục rà soát để bắt kịp sự thay đổi của các văn bản quy phạm pháp luật cấp quốc gia ban hành

trong các năm 2024 - 2026.

Thứ hai, lực lượng giảng viên và sinh viên là hạt nhân tạo ra năng suất học thuật cốt lõi

Việc ghi nhận 29 nhiệm vụ khoa học các cấp (bao gồm cả cấp quốc gia và cấp bộ) cùng 80 bài báo khoa học được công bố cho thấy, trình độ chuyên môn và ý thức học thuật của đội ngũ giảng viên đang chuyển dịch từ chiều rộng sang chiều sâu. Đối với người học, cuộc thi nghiên cứu khoa học sinh viên cùng sự đồng hành hướng dẫn của giảng viên là mô hình hiệu quả giúp sinh viên chuyển đổi từ tư duy tiếp thu thụ động sang tư duy phân biện và giải quyết vấn đề thực tiễn. Dù vậy, "nút thắt" đặt ra là tỷ lệ công bố quốc tế (08 bài) và số lượng đề tài mũi nhọn cấp cao còn khá khiêm tốn so với tổng thể. Nghiên cứu định vị nguyên nhân là do chưa hình thành được các nhóm nghiên cứu mạnh hoạt động có tính ổn định, liên tục và thiếu các cơ chế kích thích tài chính mang tính đột phá cho các sản phẩm đỉnh cao.

Thứ ba, sự đồng bộ giữa đổi mới chương trình đào tạo và tốc độ số hóa học liệu là chìa khóa nâng cao chất lượng đầu ra

Sự tác động lan tỏa của nghiên cứu khoa học vào bài giảng thể hiện rõ qua việc rà soát cập nhật 16 chương trình đại học và 03 chương trình thạc sĩ, chủ động đưa các câu phần AI, kỹ năng số vào giảng dạy. Việc chuyển đổi trạng thái học liệu từ giáo trình truyền thống (05 bản) sang bài giảng điện tử (07 bản), học liệu LMS (07 bản) và ứng dụng bước đầu của AI trong biên tập đã chứng minh Nhà trường đang đi đúng xu thế giáo dục số. Mặc dù vậy, hạn chế về nguồn lực tài chính đang khiến hạ tầng số và kho tài nguyên học liệu số chưa thể phủ kín, đồng bộ hóa ở tất cả các ngành đào tạo của Nhà trường.

Cuối cùng, mối quan hệ hữu cơ giữa môi trường học thuật nội bộ và mạng lưới hợp tác chuyên gia công nghệ bên ngoài còn chưa cân xứng

Trong khi môi trường học thuật nội bộ được khơi thông rất tốt bằng chuỗi 11 hội thảo, tọa đàm và seminar, thì ở chiều ngược lại, mối liên kết với thế giới công nghiệp (doanh nghiệp, thị trường lao động) vẫn dừng ở mức độ lấy ý kiến rà soát chương trình hoặc tham gia hội đồng thẩm định. Việc thiếu vắng các hợp đồng chuyên gia công nghệ, thương mại hóa sản phẩm khoa học hoặc các dự án đặt hàng nghiên cứu từ doanh nghiệp là minh chứng cho thấy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của trường chưa vận hành trọn vẹn theo mô hình Triple Helix (Ba vòng xoắn). Các sản phẩm trí tuệ của nhà trường chưa tạo ra dòng tiền tái đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ.

### **5.2. Đề xuất hệ thống giải pháp và kiến nghị hoàn thiện**

Từ những luận giải trên, đề tối ưu hóa ưu điểm và khắc phục triệt để các hạn chế nội tại nhằm nâng cao

vị thế học thuật của Trường Đại học Trung Vương, nghiên cứu đề xuất hệ thống 5 nhóm giải pháp và kiến nghị đồng bộ sau:

Một là, đổi mới thể chế quản lý và áp dụng chính sách đòn bẩy tài chính đột phá

- Giải pháp: Cần tiến hành rà soát, tái cấu trúc hệ thống văn bản quy định nội bộ ban hành năm 2024 nhằm đảm bảo tính tương thích tuyệt đối với Luật KH, CN & ĐMST năm 2025 và Nghị định số 125/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

- Kiến nghị: Xây dựng quỹ đặc thù dành riêng cho đổi mới sáng tạo; nâng mức thưởng và hỗ trợ kinh phí trực tiếp đối với các bài báo công bố quốc tế thuộc danh mục uy tín (ISI/Scopus), các sáng chế được bảo hộ hoặc các đề tài đầu thầu thành công cấp bộ, cấp quốc gia. Chuyển dịch mô hình quản lý từ kiểm tra thủ tục hành chính sang quản trị hiệu suất đầu ra (KPIs học thuật).

Hai là, đầu tư trọng điểm phát triển các nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh và kích cầu phong trào sinh viên

- Giải pháp: Tập trung hiện thực hóa Quyết định số 430/QĐ-ĐHTV vào thực tiễn hoạt động bằng việc khẩn trương triển khai quy trình xét duyệt, lựa chọn đề chính thức thành lập các nhóm nghiên cứu tiềm năng và nhóm nghiên cứu mạnh đầu tiên của Nhà trường. Trong giai đoạn đầu, Trường cần tập trung nguồn lực đầu tư trọng điểm, cấp kinh phí môi và hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị phòng thí nghiệm phù hợp cho từ 2 đến 3 nhóm ở các ngành đào tạo mũi nhọn. Khi được thành lập, các nhóm nghiên cứu tiềm năng sẽ đóng vai trò ươm tạo hạt giống chuyên môn, còn các nhóm nghiên cứu mạnh sẽ giữ vai trò là đầu tàu dẫn dắt việc săn tìm, đấu thầu các dự án tầm cỡ cấp bộ, cấp quốc gia và mở rộng mạng lưới công bố quốc tế.

- Kiến nghị:

+ Đối với giảng viên: Cần ban hành các hướng dẫn hoặc chính sách ưu đãi kèm theo cho các thành viên khi gia nhập nhóm (như giảm định mức giờ giảng dạy chuẩn, ưu tiên phân bổ quỹ thời gian cho nghiên cứu) để thu hút các nhà khoa học, giảng viên có năng lực tham gia đăng ký thành lập nhóm theo Quyết định số 430 /QĐ-ĐHTV ngày 22 /7/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trung Vương.

+ Đối với sinh viên: Cần nghiên cứu cấu trúc lại tiến trình đào tạo, chủ động bố trí học phần "Phương pháp nghiên cứu khoa học" vào kỳ I của năm thứ nhất của khóa học. Việc tiếp cận sớm này nhằm trang bị cho sinh viên phương pháp luận, tư duy phân biện và kỹ năng tra cứu học thuật ngay từ quy mô bài tập lớn, tiểu luận, tạo bệ phóng vững chắc cho các nghiên cứu chuyên sâu hơn ở các năm cuối. Song song đó, Nhà trường cần đa dạng hóa các sân chơi học thuật thông qua chuỗi các cuộc thi phân tầng: từ quy mô ý tưởng sáng tạo cấp Khoa

nhằm tìm kiếm hạt giống, đến các giải thưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cấp Trường để định hình sản phẩm ứng dụng. Đặc biệt, cần sớm thể chế hóa cơ chế tính điểm thưởng hoặc quy đổi tương đương kết quả nghiên cứu khoa học sang điểm học phần (hoặc điểm rèn luyện) một cách rõ ràng, minh bạch nhằm tạo động lực tự thân mạnh mẽ và kích cầu phong trào lan tỏa sâu rộng trong toàn thể sinh viên.

Ba là, tăng tốc xây dựng hệ sinh thái giáo dục số và đồng bộ hóa học liệu điện tử

- Giải pháp: Đẩy mạnh lộ trình số hóa toàn diện học liệu phục vụ đào tạo. Mục tiêu trong giai đoạn tới phải hoàn thiện và đồng bộ hóa 100% bài giảng điện tử và học liệu chuyên dụng trên hệ thống LMS/ E-learning cho toàn bộ các ngành đào tạo, thay vì chỉ dừng lại ở con số 07 ngành như hiện tại.

- Kiến nghị: Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, mở rộng dung lượng nền tảng "Tủ sách điện tử" và kết nối với các kho dữ liệu học thuật quốc tế lớn. Ban hành hướng dẫn chính thức về việc ứng dụng AI cho giảng viên trong việc kiểm soát đạo văn, rà soát lỗi và biên tập học liệu số một cách có kiểm soát và đạo đức.

Bốn là, thúc đẩy liên kết "Đại học - Doanh nghiệp" và thương mại hóa kết quả nghiên cứu

- Giải pháp: Thay đổi triết lý tiếp cận nghiên cứu từ "tìm kiếm những gì trường có" sang "nghiên cứu những gì thị trường và doanh nghiệp cần". Chủ động thành lập các văn phòng kết nối chuyên giao công nghệ để làm đầu mối tìm kiếm các đơn đặt hàng từ doanh nghiệp, ký kết các hợp đồng nghiên cứu liên ngành ứng dụng trực tiếp vào thực tiễn địa phương.

- Kiến nghị: Triển khai các chương trình đào tạo theo mô hình "đơn đặt hàng của doanh nghiệp", tăng cường thời lượng thực hành thực tế tại các nhà máy, tập đoàn công nghệ; mời các chuyên gia kinh tế tham gia vào chuỗi thương mại hóa các sản phẩm bài giảng số hoặc giải pháp công nghệ do nhà trường tự sản xuất.

Năm là, tăng cường công tác truyền thông khoa học, công nghệ và kích cầu tương tác nội bộ

- Giải pháp: Tập trung tối ưu hóa và tăng cường công tác truyền thông khoa học công nghệ, hướng trực diện vào đối tượng thụ hưởng cốt lõi là cán bộ, giảng viên và sinh viên Nhà trường thay vì dàn trải ra đại chúng. Nhà trường cần xây dựng các cơ chế bắt buộc và khuyến khích để các đối tượng này thường xuyên truy cập, tương tác với cổng thông tin điện tử của trường. Cụ thể:

+ Đối với giảng viên: Tích hợp quy trình nộp thuyết minh đề tài, báo cáo tiến độ, đăng ký hội thảo chuyên đề trực tuyến ngay trên chuyên mục KHCN của Website trường. Biến Website thành công cụ làm việc không thể thiếu của người nghiên cứu.

+ Đối với sinh viên: Gắn các thông báo quan

trọng về biểu mẫu đăng ký cuộc thi đổi mới sáng tạo, tài liệu hướng dẫn viết đề cương, kho học liệu số, bài giảng điện tử (LMS) độc quyền lên trang web. Đề tiếp cận được tài nguyên học tập và các quyền lợi cộng đồng rèn luyện, sinh viên bắt buộc phải truy cập và tương tác định kỳ với hệ thống.

+ Quy trình cập nhật: Thiết lập kênh phản hồi nhanh, liên tục biên tập dưới dạng tin tức ngắn, trực quan về các kết quả nghiệm thu đề tài xuất sắc của thầy cô hoặc các giải thưởng sáng tạo của sinh viên để tạo sự gần gũi, thu hút người đọc nội bộ vào xem.

- Kiến nghị: Tổ chức định kỳ ngày hội khoa học (gắn liền với Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5). Nhà trường nên xem công tác truyền thông học thuật nội bộ là một kênh chiến lược then chốt. Việc làm tốt công tác truyền thông trong nhà trường không chỉ giúp lan tỏa mạnh mẽ tinh thần nghiên cứu, khơi dậy niềm tự hào nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên và sinh viên, mà còn tạo ra nền tảng "hữu xạ tự nhiên hương", biến chính các thành viên nội bộ thành những đại sứ thương hiệu, giúp quảng bá, nâng cao uy tín chuyên môn và vị thế học thuật của Trường Đại học Trưng Vương trong hệ thống giáo dục đại học.

## 6. Kết luận

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, hoạt động KH, CN & ĐMST ngày càng giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển của các cơ sở giáo dục đại học. Trên cơ sở tiếp cận hoạt động KH, CN & ĐMST như một chỉnh thể trong hệ thống quản trị đại học, bài viết đã phân tích thực trạng hoạt động KH, CN & ĐMST tại Trường Đại học Trưng Vương thông qua các nội dung như quản lý khoa học công nghệ, nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên, phát triển chương trình đào tạo, học liệu số và môi trường học thuật.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, Nhà trường đã từng bước xây dựng và triển khai tương đối đồng bộ các hoạt động KH, CN & ĐMST; đạt được nhiều kết quả tích cực trong nghiên cứu khoa học, phát triển chương trình đào tạo, xây dựng học liệu số và thúc đẩy môi trường học thuật. Các hoạt động này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực nghiên cứu và từng bước khẳng định vị thế của Nhà trường trong hệ thống giáo dục đại học.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động KH, CN & ĐMST của Nhà trường vẫn còn một số hạn chế như số lượng nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cao còn chưa nhiều, hoạt động công bố quốc tế còn hạn chế, nguồn lực nghiên cứu và hạ tầng số chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển, hoạt động hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ chưa thực sự mạnh.

Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số định hướng và giải pháp nhằm tiếp tục thúc đẩy hoạt động KH, CN & ĐMST tại Trường Đại học Trưng

Vương trong thời gian tới như: Hoàn thiện cơ chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ; hiện thực hóa Quyết định số 430/QĐ-ĐHTV vào thực tiễn để chính thức thành lập và cấp kinh phí mỗi cho các nhóm nghiên cứu tiềm năng và nhóm nghiên cứu mạnh; nâng cao chất lượng công bố khoa học; thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển học liệu số; tăng cường hợp tác nghiên cứu và xây dựng môi trường học thuật hiện đại, hội nhập. Đặc biệt, cần chú trọng bố trí học phần "Phương pháp nghiên cứu khoa học" cho sinh viên ngay từ kỳ học đầu tiên kết hợp cơ chế quy đổi điểm thưởng rõ ràng; đồng thời, tăng cường

công tác truyền thông khoa học công nghệ nội bộ, tập trung các giải pháp giúp cán bộ, giảng viên và sinh viên thường xuyên tiếp cận và tương tác chủ động với cổng thông tin điện tử của Nhà trường.

Thông qua việc triển khai đồng bộ các giải pháp trên, Trường Đại học Trung Vương có điều kiện tiếp tục phát triển hoạt động KH, CN & ĐMST theo hướng thực chất, hiệu quả và bền vững; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực nghiên cứu và đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong giai đoạn mới.

### Tài liệu tham khảo

- Acemoglu, D., & Restrepo, P. (2020), "The wrong kind of AI? Artificial intelligence and the future of labour demand", *Journal of Economic Perspectives*, 34(3), tr. 3–32.
- Aghion, P., Howitt, P., & Prantl, S. (2015), "Innovation, growth and firm dynamics", *Oxford Review of Economic Policy*, 31(1), tr. 1–18.
- Altbach, P. G., Reisberg, L., & Rumbley, L. E. (2019), *Trends in Global Higher Education: Tracking an Academic Revolution*, Brill Academic Publishers, Boston.
- Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Hà Nội.
- Ban Kinh tế Trung ương (2024). *Báo cáo chuyên đề về đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với kinh tế số*. Hà Nội.
- Bộ Chính trị (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*. Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 06/12/2021 quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học*. Hà Nội.
- Brynjolfsson, E., Rock, D., & Syverson, C. (2021), "The productivity J-curve: How intangibles complement general purpose technologies", *American Economic Journal: Macroeconomics*, 13(1), tr. 333–372.
- Chính phủ Việt Nam (2023). *Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo đến năm 2030*. Hà Nội.
- Chính phủ Việt Nam (2026). *Nghị định số 125/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học*. Hà Nội.
- Clark, B. R. (2004), *Sustaining Change in Universities: Continuities in Case Studies and Concepts*, Open University Press, McGraw-Hill, London.
- Cockburn, I. M., Henderson, R., & Stern, S. (2018), "The impact of artificial intelligence on innovation", *NBER Working Paper*, No. 24449.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Đặng, V. H. (2023). "Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong các trường đại học tại Việt Nam hiện nay". *Tạp chí Quản lý Giáo dục*, số 15(2), tr. 34-41.
- Nguyễn, T. D. (2021). "Chuyển đổi số trong giáo dục đại học Việt Nam: Thực trạng và giải pháp". *Tạp chí Giáo dục*, số 498, tr. 12-17.
- OECD (2019), *Artificial intelligence in society*, Paris: OECD Publishing.
- OECD (2023), *OECD Innovation Strategy for Education and Training: Fostering Innovation in Higher Education Ecosystems*, OECD Publishing, Paris.
- Porter, M. E., & Heppelmann, J. E. (2015), "How smart, connected products are transforming companies", *Harvard Business Review*, 93(10), tr. 96–114.
- Quốc hội (2025). *Luật số 93/2025/QH15 về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*. Hà Nội.
- Quốc hội (2025). *Luật số 125/2025/QH15 về Giáo dục đại học*. Hà Nội.
- Teece, D. J. (2018), "Business models and dynamic capabilities", *Long Range Planning*, 51(1), tr. 40–49.
- Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên*

- đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030*". Hà Nội.
- Trần, V. H. (2020). *Thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam*. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Trường Đại học Trung Vương (2024). *Quyết định số 250/QĐ-ĐHTV ngày 25/4/2024 về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Trung Vương*.
- Trường Đại học Trung Vương (2024). *Quyết định số 402/QĐ-ĐHTV ngày 04/7/2024 về việc ban hành Quy định về quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp trường của Trường Đại học Trung Vương*.
- Trường Đại học Trung Vương (2024), *Quyết định số 430/QĐ-ĐHTV ngày 22/7/2024 ban hành Quy định tổ chức và hoạt động nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh của Trường Đại học Trung Vương*.
- Trường Đại học Trung Vương (2024). *Quyết định số 548/QĐ-ĐHTV ngày 26/9/2024 ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên, sinh viên Trường Đại học Trung Vương*.
- UNESCO (2021), *Digital Transformation and Innovation in Higher Education*, UNESCO Publishing, Paris.
- UNESCO (2021), *UNESCO Science Report: The Race Against Time for Smarter Development*, UNESCO Publishing, Paris.
- Vũ Hải Quân (2022). “*Đổi mới quản trị đại học trong bối cảnh chuyển đổi số và tự chủ giáo dục*”. Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, số 25(3), tr. 45-52.
- World Bank (2020), *Higher Education and Digital Transformation: Challenges and Opportunities*, Washington D.C.
- World Bank (2022), *The Digital Transformation of Higher Education: Challenges and Opportunities for Developing Countries*, World Bank Group, Washington, D.C.
- World Bank (2024), *Vietnam productivity report: Leveraging digital transformation for growth*, Washington, DC: World Bank Group.
- World Economic Forum (2024), *The future of growth in the age of AI*, Geneva: WEF.

**ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ  
VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRUNG VƯƠNG:  
THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

**Nguyễn Khắc Thiện\***

Trường Đại học Trung Vương

ROR: <https://ror.org/05xzsm645>

Email: [thienkbn@gmail.com](mailto:thienkbn@gmail.com)

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0004-1819-0524>

**Trần Thị Huệ**

Trường Đại học Trung Vương

ROR ID: <https://ror.org/05xzsm645>

Email: [lily071081@gmail.com](mailto:lily071081@gmail.com)

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0009-1891-1498>

**Article History**

Ngày nhận bài: 20/02/2026

Ngày phản biện: 19/4/2026

Ngày tác giả sửa: 12/5/2026

Ngày duyệt đăng: 15/5/2026

Ngày phát hành: 30/6/2026

**DOI:** <https://doi.org/10.64223/tvj.e2026.v2.i6.a85>

**Tóm tắt:**

**T**rong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học và chuyển đổi số mạnh mẽ, KH, CN & ĐMST đã trở thành động lực then chốt nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực cạnh tranh của các nhà trường. Bài viết tập trung phân tích thực trạng hoạt động KH, CN & ĐMST tại Trường Đại học Trung Vương nhằm nhận diện các kết quả đạt được, chỉ ra những "nút thắt" cốt lõi, từ đó đề xuất hệ thống giải pháp phát triển đột phá trong giai đoạn mới. Tác giả sử dụng phương pháp tiếp cận hệ thống, kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính bao gồm phân tích - tổng hợp tài liệu, phân tích nội dung văn bản quản lý và thống kê mô tả số liệu thực tiễn hoạt động của Nhà trường tính đến năm 2025.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, Trường Đại học Trung Vương đã bước đầu hình thành hệ sinh thái học thuật tương đối đồng bộ: triển khai thành công 29 nhiệm vụ khoa học các cấp (bao gồm đề tài cấp quốc gia và cấp bộ), công bố 80 bài báo khoa học (trong đó có 08 bài quốc tế), rà soát cập nhật tích hợp yếu tố số/AI vào 19 chương trình đào tạo, đồng thời bước đầu triển khai số hóa học liệu trên nền tảng LMS. Tuy nhiên, hoạt động này vẫn tồn tại một số hạn chế: tỷ lệ công bố quốc tế chất lượng cao và đề tài mũi nhọn còn khiêm tốn; phong trào nghiên cứu của sinh viên còn chưa sâu rộng; hạ tầng số chưa đồng bộ và liên kết hợp tác chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp còn lỏng lẻo.

Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất năm nhóm giải pháp đồng bộ và đột phá bao gồm: (1) Đổi mới thể chế nội bộ và áp dụng chính sách đòn bẩy tài chính theo KPIs học thuật; (2) Đầu tư trọng điểm phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh và đưa môn Phương pháp nghiên cứu khoa học vào ngay học kỳ I năm thứ nhất cho sinh viên; (3) Tăng tốc đồng bộ hóa 100% học liệu số trên LMS; (4) Thúc đẩy liên kết "Đại học - Doanh nghiệp" theo đơn đặt hàng; (5) Tối ưu hóa truyền thông khoa học nội bộ thông qua cổng thông tin điện tử nhằm lan tỏa tinh thần khoa học và nâng cao vị thế học thuật của Nhà trường.

**Từ khóa:** Khoa học và công nghệ; Đổi mới sáng tạo; Hệ sinh thái học thuật; Học liệu số; Trường Đại học Trung Vương.

**JEL Codes:** I23, O32, O38, D83, H52

**ASJC Codes:** 3304, 2208, 1710

**OECD-FOS:** 5.03, 5.06, 2.11

**FoR Codes:** 390307, 390303, 440706